

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

Căn cứ Quyết định số 63/2014/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-UB ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30/9/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Ủy ban Quốc gia TKCN;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Trung tâm UPSCTD khu vực miền Nam;
- Website Chính phủ;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT.UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NN. *24/07*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Trần Anh Dũng

QUY ĐỊNH

Trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 37 /2016/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (gọi tắt là SCTD) của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi chung là cơ sở) có hoạt động về kinh doanh, khai thác, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng dầu, các sản phẩm từ dầu có nguy cơ gây ra SCTD trên đất liền, trên sông và vùng biển thuộc địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó SCTD địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dầu và các sản phẩm của dầu (gọi chung là dầu) bao gồm:

a) Dầu thô là dầu từ các mỏ khai thác chưa qua chế biến;

b) Dầu thành phẩm là các loại dầu đã qua chế biến như xăng, dầu hỏa, dầu máy bay, dầu Diesel (DO), dầu mazút (FO), và các loại dầu bôi trơn bảo quản, dầu thủy lực;

c) Các loại khác là dầu thải, nước thải lẫn dầu từ hoạt động súc rửa, sửa chữa tàu của tàu biển, tàu sông, các phương tiện chứa dầu;

2. SCTD là hiện tượng dầu từ các phương tiện chứa, vận chuyển khác nhau, từ các công trình và các mỏ dầu thoát ra ngoài môi trường tự nhiên do sự cố kỹ thuật, thiên tai hoặc do con người gây ra.

3. Ứng phó SCTD là các hoạt động sử dụng lực lượng, phương tiện, thiết bị, vật tư nhằm xử lý kịp thời, loại trừ hoặc hạn chế tối đa nguồn dầu tràn ra môi trường.

4. Khắc phục hậu quả SCTD là các hoạt động nhằm làm sạch đất, nước, hệ sinh thái khu vực bị nhiễm dầu và các biện pháp hạn chế thiệt hại, phục hồi môi sinh, môi trường sau SCTD.

5. Hoạt động ứng phó SCTD là tất cả các hoạt động từ việc chuẩn bị, ứng phó, khắc phục, giải quyết hậu quả SCTD.

6. Kế hoạch ứng phó SCTD là dự kiến các nguy cơ, tình huống sự cố có khả năng xảy ra tràn dầu cùng các phương án ứng phó trong tình huống dự kiến đó, các chương trình huấn luyện, diễn tập để đảm bảo sự sẵn sàng các nguồn lực kịp thời ứng phó khi SCTD xảy ra trên thực tế.

7. Hiện trường ứng phó sự cố tràn dầu là khu vực triển khai các hoạt động ngăn chặn, ứng phó, khắc phục hậu quả của SCTD.

8. Chủ cơ sở là người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn bộ về pháp lý đối với các hoạt động của cơ sở.

9. Đơn vị ứng phó sự cố tràn dầu là các tổ chức có trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu và nhân lực được huấn luyện, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ để tiến hành hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

10. Khu vực ưu tiên bảo vệ là khu vực có độ nhạy cảm cao về môi trường hoặc kinh tế xã hội, cần ưu tiên bảo vệ khi xảy ra sự cố tràn dầu như rừng ngập mặn, dải san hô, khu bảo tồn sinh thái, khu dự trữ sinh quyển, điểm nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, khu di tích lịch sử đã được xếp hạng, khu du lịch, khu nuôi trồng thủy sản tập trung.

11. Bên gây ra ô nhiễm tràn dầu là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào gây ra tràn dầu làm ô nhiễm môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc trong hoạt động ứng phó SCTD

1. Tích cực phòng ngừa, chủ động xây dựng kế hoạch, đầu tư trang thiết bị, các phương án hợp đồng để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra SCTD.

2. Tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin SCTD kịp thời, ưu tiên bảo đảm thông tin cho hoạt động ứng phó, báo cáo kịp thời đến cấp có thẩm quyền khi vượt khả năng ứng phó.

3. Phối hợp, huy động mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả chuẩn bị và ứng phó SCTD, ưu tiên các hoạt động để cứu người bị nạn và bảo vệ môi trường.

4. Chủ động ứng phó gần nguồn dầu tràn để ngăn chặn, hạn chế dầu tràn ra môi trường. Giám sát chặt chẽ nguy cơ lan tỏa dầu tràn vào đường bờ để xác định thứ tự ưu tiên và tiến hành các biện pháp bảo vệ các khu vực ưu tiên bảo vệ.

5. Đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ trong ứng phó.

6. Chỉ huy thống nhất, phối hợp chặt chẽ các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó.

7. Bên gây ra ô nhiễm tràn dầu phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tràn dầu gây ra theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó SCTD của các cơ sở hoạt động trên địa bàn tỉnh đối với các trường hợp sau:

1. Các cảng, bến thủy nội địa, các dự án, cơ sở xây dựng kho xăng dầu, cửa hàng kinh doanh xăng dầu, khu trung chuyển xăng dầu có quy mô, công suất được quy định tại Mục 43 và 44 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường phải lập Kế hoạch ứng phó SCTD.

2. Các dự án/cơ sở có hoạt động về kinh doanh, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng dầu và các sản phẩm từ dầu có nguy cơ gây ra SCTD từ 20 (hai mươi) tấn trở lên.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, tổ chức thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó SCTD của các cơ sở hoạt động trên địa bàn huyện đối với các trường hợp sau:

1. Các dự án/cơ sở có hoạt động về kinh doanh xăng, dầu có nguy cơ gây ra SCTD ở mức dưới 20 (hai mươi) tấn.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, tổ chức thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 7. Thời điểm lập, trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu:

1. Kế hoạch ứng phó SCTD của các cơ sở được lập trước khi triển khai dự án, song song với thủ tục môi trường. Chủ dự án lập, trình nộp cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này để thẩm định và phê duyệt.

2. Các cơ sở, dự án quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này đã hoạt động trước thời điểm Quy định này có hiệu lực, phải lập bổ sung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

3. Kế hoạch ứng phó SCTD của các cơ sở đã được phê duyệt; nếu tăng quy mô hoạt động làm tăng nguy cơ sự cố tràn dầu, thì chủ cơ sở phải lập mới Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tương ứng với quy mô hoạt động, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ cơ sở

1. Xây dựng Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch ứng phó SCTD sau khi được phê duyệt. Tham gia vào hoạt động chung ứng phó SCTD theo sự điều động, chỉ huy thống nhất của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Có kế hoạch tổ chức tập huấn hoặc cử nhân sự tham gia tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó SCTD. Định kỳ tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần phải triển khai thực hành huấn luyện ứng phó SCTD tại hiện trường.

3. Có phương án đầu tư trang thiết bị, vật tư để từng bước nâng cao năng lực tự ứng phó SCTD của cơ sở theo quy định; trong trường hợp cơ sở chưa đủ khả năng tự ứng phó SCTD, phải ký kết thỏa thuận, hợp đồng ứng phó SCTD với các cơ quan, đơn vị chuyên môn để triển khai khi có sự cố.

4. Chủ động triển khai các hoạt động ứng phó SCTD, huy động nguồn lực kịp thời, hiệu quả khi xảy ra SCTD.

5. Phải có cam kết bảo đảm tài chính để bồi thường mọi thiệt hại đối với ô nhiễm dầu do cơ sở gây ra. Cam kết bảo đảm tài chính phải thể hiện trong Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư, xây dựng như thay đổi quy mô đầu tư, thay đổi thiết kế dẫn đến thay đổi nội dung Kế hoạch ứng phó SCTD đã được phê duyệt, chủ cơ sở phải báo cáo cơ quan đã phê duyệt Kế hoạch và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

7. Kế hoạch ứng phó SCTD phải được lưu trữ tại cơ sở.

8. Kịp thời báo cáo SCTD xảy ra; định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện, cập nhật các nội dung trong Kế hoạch ứng phó SCTD gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Điều 9. Thủ tục thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó SCTD:

1. Đối với Kế hoạch ứng phó SCTD của các cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh

1.1. Thành phần hồ sơ:

Chủ cơ sở/dự án thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 của Quy định này lập Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường. Hồ sơ bao gồm:

- Một (01) văn bản của chủ cơ sở/dự án đề nghị thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó SCTD (theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định này).

- Mười bốn (14) bản Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở (theo mẫu quy định tại Phụ lục 02, 03, 05 ban hành kèm theo Quyết định này).

1.2. Quy trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó SCTD:

a) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp thành phần hồ sơ đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở ghi phiếu tiếp nhận cho cơ sở và chuyển hồ sơ đến cơ quan chuyên môn.

b) Cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát về sự hợp lệ của nội dung hồ sơ, trường hợp nội dung không hợp lệ thì trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn thiện.

c) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức kiểm tra thực tế (nếu cần thiết) và tổ chức họp thẩm định.

d) Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định cho chủ cơ sở/ dự án để chỉnh sửa, bổ sung (nếu có).

đ) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh (nếu có) của chủ cơ sở/ dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh, hợp lệ của chủ cơ sở.

e) Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó SCTD.

f) Thời gian nêu trên không tính thời gian chủ các cơ sở, dự án phải chỉnh sửa, bổ sung Kế hoạch theo ý kiến của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

2. Đối với Kế hoạch ứng phó SCTD của các cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

2.1. Thành phần hồ sơ:

Chủ cơ sở/dự án quy định tại Điều 6 của Quy định này lập Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện. Hồ sơ bao gồm:

- Một (01) văn bản của chủ dự án đề nghị thẩm định Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở (theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định này).

- Bảy (07) bản Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở (theo mẫu quy định tại Phụ lục 02, 04, 05 ban hành kèm theo Quyết định này).

2.2. Quy trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó SCTD:

a) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp thành phần hồ sơ đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện ghi phiếu tiếp nhận cho cơ sở và chuyển hồ sơ đến cơ quan chuyên môn (Phòng Tài nguyên và Môi trường).

b) Cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát về sự hợp lệ của nội dung hồ sơ, trường hợp nội dung không hợp lệ thì trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn thiện.

c) Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm gửi hồ sơ và xin ý kiến bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, các phòng chuyên môn có

liên quan gồm: Phòng Kinh tế - Hạ tầng (hoặc Phòng Quản lý đô thị), Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế), Ban Chỉ huy Quân sự huyện..., Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã) nơi cơ sở, dự án hoạt động. Ngoài ra, có thể xin ý kiến của các chuyên gia có chuyên môn trong lĩnh vực dầu khí, môi trường, phòng cháy chữa cháy (nếu cần thiết). Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày gửi hồ sơ, các Sở, Ban, ngành, các phòng chuyên môn nêu trên có trách nhiệm gửi ý kiến nhận xét về Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp. Trường hợp Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được thẩm định thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung thì trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường phải có văn bản yêu cầu chủ cơ sở chỉnh sửa Kế hoạch; trường hợp Kế hoạch được thẩm định thông qua không phải chỉnh sửa, bổ sung thì trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu, trình UBND cấp huyện phê duyệt Kế hoạch.

d) Trường hợp Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu không được thông qua thì Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do gửi chủ cơ sở, dự án biết.

đ) Thời gian nêu trên không tính thời gian chủ cơ sở, dự án chỉnh sửa, bổ sung Kế hoạch theo ý kiến thẩm định của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Điều 10. Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó SCTD (gọi tắt Hội đồng thẩm định)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định và xác nhận trang phụ bì đối với Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh. Hội đồng thẩm định được thành lập để thẩm định cho từng kế hoạch cụ thể. Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường là Chủ tịch Hội đồng.

2. Thành phần của Hội đồng thẩm định gồm đại diện các đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; đại diện UBND cấp huyện hoặc Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh nơi dự án hoặc cơ sở hoạt động và một số đơn vị có liên quan; Đại diện Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Nam (nếu có).

Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể mời thêm các chuyên gia chuyên ngành cùng tham dự, tư vấn, phản biện.

3. Phương thức hoạt động của Hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng thẩm định có chức năng thẩm định kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh; làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai, trực tiếp giữa các thành viên hội đồng về kết quả thẩm định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính khách quan, trung thực của các kết luận thẩm định.

b) Hội đồng thẩm định chỉ tiến hành thẩm định khi có sự tham gia từ hai phần ba (2/3) trở lên số lượng thành viên hội đồng thẩm định theo quyết định thành lập, trong đó bắt buộc phải có Chủ tịch hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch hội

đồng) và có sự tham gia của chủ cơ sở hoặc người đại diện của chủ cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Kết quả thẩm định căn cứ vào phiếu thẩm định của các thành viên hội đồng thẩm định tham dự phiên họp, cụ thể như sau:

- Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: khi tất cả thành viên hội đồng thẩm định tham dự phiên họp có phiếu thẩm định nhất trí thông qua và không cần chỉnh sửa, bổ sung.

- Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: khi có ít nhất một phần hai (1/2) số thành viên hội đồng tham dự có phiếu thẩm định đồng ý thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng.

- Không thông qua: khi có trên một phần hai (1/2) số thành viên hội đồng có phiếu thẩm định không thông qua.

4. Kinh phí tổ chức thực hiện thẩm định kế hoạch ứng phó SCTD của Hội đồng thẩm định sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm giao cho Sở Tài nguyên và môi trường.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện Quy định này; đồng thời, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng; phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của sự cố tràn dầu; chủ động phòng tránh và kịp thời ứng phó, nhằm bảo vệ môi trường tại địa phương.

2. Hướng dẫn các cơ sở xây dựng kế hoạch ứng phó sự SCTD phù hợp với Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bản đồ nhạy cảm đường bờ phục vụ công tác ứng phó SCTD trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với Trung tâm ứng phó SCTD khu vực miền Nam, các Sở, Ban ngành liên quan tổ chức thẩm định Kế hoạch ứng phó SCTD của các cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự SCTD của các cơ sở thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc và xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các cơ sở vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Điều tra, xác minh SCTD, xây dựng phương án hữu hiệu để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan những biện pháp ngăn ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do SCTD xảy ra.

7. Định kỳ hàng năm (trước ngày 31/12) tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn về hoạt động ứng phó SCTD và báo cáo đột xuất khi xảy ra SCTD.

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành liên quan

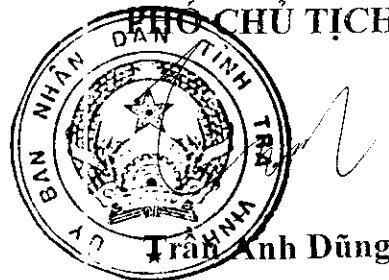
1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trong phạm vi ngành quản lý;
2. Tham gia Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó SCTD thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh khi có đề nghị;
3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và địa phương kiểm tra, đôn đốc các cơ sở xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở nhằm ngăn ngừa, hạn chế tối đa khả năng xảy ra SCTD.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng; phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của SCTD; chủ động phòng tránh và kịp thời ứng phó, nhằm bảo vệ môi trường tại địa phương.
2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành có liên quan phê duyệt Kế hoạch ứng phó SCTD của các cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.
3. Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức việc ứng phó và báo cáo kịp thời sự cố tràn dầu khi xảy ra thuộc địa bàn quản lý; chủ trì đánh giá, xác định thiệt hại, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, yêu cầu chủ cơ sở gây ra sự cố tràn dầu tại địa phương bồi thường thiệt hại.
4. Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Quy định này của địa phương gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu và có ý kiến đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH





Phụ lục 01
VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH
KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CỦA CÁC CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016
của UBND tỉnh Trà Vinh)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...CV

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v đề nghị thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó SCTD của (2)

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là:(1)..., chủ dự án ... (2)

- Địa điểm thực hiện Dự án:....;
- Địa chỉ liên hệ:....;
- Số điện thoại:....; Fax:....; E-mail: ...

Xin gửi đến quý(3).... những hồ sơ sau:

- Mười bốn (14) bản Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở (*).
- Bảy (07) bản Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở (**).
- Một (01) Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM/Giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường/Giấy xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (bản photo có công chứng) (nếu có).
- Các hồ sơ liên quan đến dự án.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu của Kế hoạch. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở/dự án.

Nơi nhận:

(4)

- Như trên;
- Lưu ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án;
- (2) Tên đầy đủ của Dự án;
- (3) Cơ quan tổ chức việc thẩm định Kế hoạch;
- (4) Thủ trưởng, người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án.
- (*) Áp dụng đối với Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.
- (**) Áp dụng đối với Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND huyện.

Phụ lục 02

**TRANG BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ
SỰ CỐ TRẦN DẦU CỦA CÁC CƠ SỞ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016
của UBND tỉnh Trà Vinh)



(Tên cơ quan chủ quản)

(Tên cơ quan chủ cơ sở)

**KẾ HOẠCH
ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN DẦU CỦA (1)**

CƠ QUAN/CHỦ CƠ SỞ (*)

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (*)

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Địa danh(**), tháng ... năm ...

Ghi chú:

(1): Tên đầy đủ của cơ sở;

(*): Chỉ thể hiện ở trang phụ bì.

(**) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.



Phụ lục 03
**CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ
SỰ CỐ TRÀN DẦU CỦA CÁC CƠ SỞ**

(Thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh)
(Ban hành kèm theo Quyết định số ...37... /2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016
của UBND tỉnh Trà Vinh)

**CHƯƠNG I
MỞ ĐẦU**

- 1.1. Tính cấp thiết
- 1.2. Định nghĩa, viết tắt

**CHƯƠNG II
TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ**

- 2.1. Cơ sở pháp lý
- 2.2. Mục đích, phạm vi áp dụng Kế hoạch

**CHƯƠNG III
ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI,
MÔI TRƯỜNG SINH THÁI**

- 3.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội
 - 3.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên
 - 3.1.2. Đặc điểm điều kiện kinh tế - xã hội
- 3.2. Xác định các khu vực ưu tiên bảo vệ khi có sự cố tràn dầu

**CHƯƠNG IV
MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ**

- 4.1. Thông tin chung về cơ sở

Chủ cơ sở, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ cơ sở; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở; vị trí địa lý cơ sở, đối tượng xung quanh có khả năng bị ảnh hưởng bởi sự cố tràn dầu do cơ sở gây ra) (có bản đồ khu vực, tỷ lệ 1:1.000)

- 4.2. Thông tin về hoạt động sản xuất
- 4.3. Hoạt động giao thông thủy, khai thác nước mặt của cơ sở

**CHƯƠNG V
ĐÁNH GIÁ NGUỒN TIỀM ẨN GÂY RA SỰ CỐ TRÀN DẦU**

- 5.1. Xác định nguồn tiềm ẩn gây sự cố tràn dầu (nêu các hoạt động của cơ sở liên quan tới dầu, từ đó đánh giá rủi ro nguồn dầu tràn).
- 5.2. Đánh giá rủi ro đối với các nguồn tiềm ẩn gây ra sự cố tràn dầu
- 5.3. Xác định các loại dầu có nguy cơ tràn tại cơ sở
- 5.4. Xác định các khu vực có khả năng bị ảnh hưởng bởi sự cố tràn dầu

**CHƯƠNG VI
PHÂN CẤP QUY MÔ SỰ CỐ TRÀN DẦU**

Việc phân cấp quy mô ứng phó sự cố tràn dầu thực hiện theo Điều 6 của Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

Việc xác định mức độ dầu tràn là cơ sở để doanh nghiệp có phương án đầu tư nguồn lực cho phù hợp hoặc có phương án lựa chọn đơn vị ứng phó tràn dầu chuyên nghiệp cho phù hợp.

CHƯƠNG VII NGUỒN LỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

6.1. Nguồn lực của cơ sở

6.1.1. Lực lượng ứng phó: *Đánh giá khả năng ứng phó nhanh (bao lâu) đối với sự cố tràn dầu (bao nhiêu mét khối dầu loại nào); các biện pháp phòng ngừa đang áp dụng tại cơ sở (đưa ra được đánh giá về rủi ro còn lại nhằm đưa ra được Kế hoạch ứng phó hợp lý)), thống kê trang thiết bị.*

6.1.2. Tổ chức lực lượng (sơ đồ tổ chức/ phân công nhiệm vụ cho từng người có trách nhiệm trong việc ứng phó sự cố)

6.1.3. Thống kê trang thiết bị và kế hoạch đầu tư trang thiết bị và nguồn lực (hiện trạng trang thiết bị và lực lượng đã có hoặc kế hoạch đầu tư trang thiết bị; danh sách đội ứng phó sự cố tràn dầu (*trình độ được huấn luyện/ kinh nghiệm*)).

6.1.4. Cam kết đảm bảo tài chính

6.2. Nguồn lực bên ngoài

6.2.1. Hợp đồng với đơn vị ứng phó sự cố tràn dầu chuyên nghiệp

6.2.2. Nguồn lực phối hợp hiệp đồng giữa các cơ sở

6.2.3. Nguồn lực hỗ trợ từ cơ quan quản lý

CHƯƠNG VIII QUY TRÌNH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

7.1. Quy trình thông báo, báo động (*Thông báo trong nội bộ, cơ quan quản lý có liên quan, khu vực lân cận, lực lượng hỗ trợ ứng phó sự cố tràn dầu bên ngoài*).

7.2. Quy trình tổ chức và triển khai ứng phó

7.2.1. Thông báo, báo động

7.2.2. Huy động Ban chỉ huy và lực lượng ứng phó khẩn cấp của cơ sở và lực lượng hỗ trợ từ bên ngoài (nếu có)

7.2.3. Triển khai ứng phó tại hiện trường (ưu tiên công tác xử lý nguồn tràn)

7.2.4. Tổ chức các hoạt động có liên quan: hậu cần, quản lý chất thải, báo cáo, bồi thường thiệt hại...

7.2.5. Kết thúc ứng phó (nêu rõ người chịu trách nhiệm ra quyết định kết thúc ứng phó)

7.2.6. Báo cáo cơ quan chức năng đề yêu cầu hỗ trợ trong trường hợp sự cố xảy ra vượt quá khả năng của cơ sở

7.3. Danh sách liên lạc

7.3.1. Danh sách liên lạc nội bộ.

7.3.2. Danh sách liên lạc bên ngoài.

CHƯƠNG IX

QUẢN LÝ VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

8.1. Kế hoạch huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu

9.2. Cập nhật và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

CHƯƠNG X CAM KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Chủ cơ sở triển khai kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được cơ quan có chức năng phê duyệt trong phạm vi hoạt động của mình và cần cam kết các nội dung sau:

- Duy trì nguồn lực sẵn có
- Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để ứng phó sự cố tràn dầu
- Thực hiện đào tạo các nguồn lực, ký và gia hạn các hợp đồng, quy chế ứng cứu
- Thực hiện các thủ tục về tài chính theo quy định và bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của pháp luật và của địa phương
- Thực hiện đúng theo các nội dung đã ghi trong Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở

PHỤ LỤC

- Bản đồ mặt bằng tổng thể của dự án, cơ sở so với phạm vi không gian của kế hoạch.
- Sơ đồ bố trí mặt bằng của dự án, cơ sở (các hạng mục công trình và đặc biệt đối với các hạng mục công trình có khả năng gây ra sự cố tràn dầu trong quá trình hoạt động)
 - Bản đồ thể hiện các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu
 - Danh sách các trang thiết bị
 - Danh sách đội ứng phó sự cố tràn dầu
 - Danh sách liên lạc (nội bộ, bên ngoài)



Phụ lục 04

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CỦA CÁC CƠ SỞ

(Thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện)

Ban hành kèm theo Quyết định số: 37/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh)

CHƯƠNG I TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ

- 1.1. Thông tin chung về cơ sở (chủ cơ sở, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ cơ sở; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở; vị trí địa lý cơ sở, đối tượng xung quanh có khả năng bị ảnh hưởng bởi sự cố tràn dầu do cơ sở gây ra)
- 1.2. Thông tin về hoạt động kinh doanh của cơ sở
- 1.3. Quy mô, tổng sức chứa của cơ sở; mô tả các công trình, tiêu chuẩn thiết kế, chế tạo
- 1.4. Hoạt động lưu giữ, bốc dỡ hàng hóa sản phẩm xăng dầu.

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ NGUỒN TIỀM ẨN GÂY RA SỰ CỐ TRÀN DẦU

- 2.1. Nguồn tiềm ẩn gây sự cố tràn dầu (nêu các hoạt động của cơ sở liên quan tới dầu như lưu giữ, quá trình bốc dỡ hàng hóa sản phẩm xăng dầu, từ đó đánh giá rủi ro nguồn dầu tràn).
- 2.2. Đặc điểm, tính chất của xăng dầu có nguy cơ tràn
- 2.3. Mô tả các diễn biến của xăng dầu tràn nếu có sự cố xảy ra và các tác động của sự cố tràn dầu đến khu vực xung quanh

CHƯƠNG III

NGUỒN LỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

- 3.1. Nguồn lực của cơ sở
 - Thống kê trang thiết bị và lực lượng ứng phó của cơ sở có
 - Đánh giá khả năng ứng phó nhanh (*bao lâu*) đối với sự cố tràn dầu (*bao nhiêu mét khối dầu loại nào*); các biện pháp phòng ngừa đang áp dụng tại cơ sở (*đưa ra được đánh giá về rủi ro còn lại nhằm đưa ra được Kế hoạch ứng phó hợp lý*)
- 3.2. Công tác bồi thường: cam kết đảm bảo tài chính

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

- 4.1. Quy trình thông báo, báo động
 - Thông báo trong nội bộ
 - Thông báo đến cơ quan quản lý có liên quan
 - Thông báo đến khu vực lân cận
 - Thông báo đến lực lượng hỗ trợ ứng phó sự cố tràn dầu bên ngoài
- 4.2. Quy trình ứng phó

- 4.2.1. Thông báo, báo động
- 4.2.2. Huy động Ban chỉ huy và lực lượng ứng phó khẩn cấp của cơ sở và lực lượng hỗ trợ từ bên ngoài (nếu có)
- 4.2.3. Triển khai ứng phó tại hiện trường (ưu tiên công tác xử lý nguồn tràn)
- 4.2.4. Tổ chức các hoạt động liên quan: hậu cần, quản lý chất thải, báo cáo, bồi thường thiệt hại,...
- 4.2.5. Kết thúc ứng phó (nêu rõ người chịu trách nhiệm ra quyết định kết thúc ứng phó và tiêu chí sử dụng khi đưa ra quyết định này)
- 4.2.6. Báo cáo cơ quan chức năng để yêu cầu hỗ trợ trong trường hợp sự cố xảy ra vượt quá khả năng của cơ sở
- 4.3. Danh sách liên lạc
- 4.3.1. Danh sách liên lạc nội bộ
- 4.3.2. Danh sách liên lạc bên ngoài

CHƯƠNG V

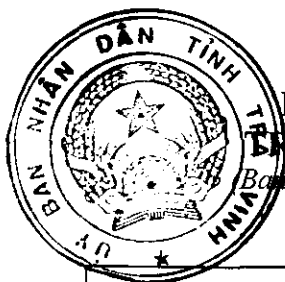
CAM KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Chủ cơ sở triển khai kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được cơ quan có chức năng phê duyệt trong phạm vi hoạt động của mình và cần cam kết các nội dung sau:

- Duy trì nguồn lực sẵn có
- Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để ứng phó sự cố tràn dầu
- Thực hiện đào tạo các nguồn lực, ký và gia hạn các hợp đồng, quy chế ứng cứu
- Thực hiện các thủ tục về tài chính theo quy định và bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của pháp luật và của địa phương
- Thực hiện đúng theo các nội dung đã ghi trong Kế hoạch ứng phó SCTD của cơ sở

PHỤ LỤC

- Bản đồ mặt bằng tổng thể của dự án, cơ sở so với phạm vi không gian của kế hoạch
- Sơ đồ bố trí mặt bằng của dự án, cơ sở (các hạng mục công trình và đặc biệt đối với các hạng mục công trình có khả năng gây ra sự cố tràn dầu trong quá trình hoạt động)
- Bản đồ thể hiện các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu
- Danh sách các trang thiết bị
- Danh sách đội ứng phó sự cố tràn dầu



PHỤ LỤC 05

MẪU XÁC NHẬN KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh

(1) xác nhận: kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án (2) được phê duyệt bởi Quyết định số... ngày... tháng... năm ... của (3).

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

Thủ trưởng cơ quan xác nhận

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Cơ quan phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu hoặc cơ quan thường trực thẩm định khi được cơ quan phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu ủy quyền xác nhận; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.